

PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG

Mai Phú Hợp¹

ABSTRACT

Pragmatism is an American school of philosophy which has had distinctive contribution to the history of philosophical thought. This doctrine originated in the late nineteenth century - That was the period when there was a crisis in the world outlook and especially in epistemology. Those pragmatists believed that the key object of philosophy was to create and study the epistemology and the science method. They said that philosophers had to study the reality and all things relating to human experiences, which were considered as instrumentalism. Since all human activities were done to get benefits, those philosophers believed that those purposes in human's life must appear in the method of study of philosophy. According to pragmatists, this method of study is the most effective way which helps people be successful in life.

Keywords: Pragmatism

Title: The pragmatism method

TÓM TẮT

Chủ nghĩa thực dụng là một trường phái triết học của Mỹ đã đóng góp đặc biệt cho lịch sử tư tưởng triết học. Trường phái này hình thành vào nửa sau thế kỷ XIX - thời kỳ triết học lâm vào cuộc khủng hoảng thế giới quan và đặc biệt là phương pháp nhận thức. Các nhà thực dụng coi nhiệm vụ chính của triết học là định ra nhận thức luận và phương pháp luận khoa học, đặt đối tượng nghiên cứu của triết học và khoa học trong phạm vi đời sống hiện tại và kinh nghiệm có thể đề cập và nó được xem như thuyết công cụ (Instrumentalism). Công cụ được sử dụng vì mục đích hữu dụng và tiện lợi. Từ đó, luận về hiệu quả về lợi ích được thể hiện sâu sắc trong phương pháp luận của chủ nghĩa thực dụng. Phương pháp theo các nhà thực dụng như là một kỹ thuật để tìm kiếm hiệu quả nhanh nhất và ít tốn công sức.

Từ khóa: Chủ nghĩa thực dụng

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Chủ nghĩa thực dụng (Pragmatism) với tư cách là một trường phái triết học thuộc khuynh hướng khoa học, một phần nào đó có cả yếu tố phi lý tính trong trào lưu triết học phi cổ điển, hình thành vào nửa sau thế kỷ XIX, phát triển mạnh mẽ đầu thế kỷ XX, đó là một diện mạo đặc trưng của tư tưởng Mỹ, đóng góp vào kho tàng triết học phương Tây. Trào lưu này thâm nhập sâu rộng vào đời sống, chính trị, văn hóa, xã hội Mỹ và trở thành học thuyết “triết học bán chính thức của lối sống Mỹ”².

Chủ nghĩa thực dụng chịu ảnh hưởng của điều kiện sống và tính chất sinh hoạt xã hội của nước Mỹ, xuất hiện trong thời kỳ triết học lâm vào cuộc khủng hoảng thế giới quan và đặc biệt là phương pháp nhận thức. Các nhà thực dụng chủ trương

¹ Ths Triết học khoa Khoa học Chính trị.

² J.K.Melvil, (1997), *Các con đường của triết học phương Tây hiện đại*, (bản dịch của Đinh Ngọc Thạch, Phạm Đình Nghiệm), Nxb. Giáo dục, trang 22.

“về sự tái thiết toàn bộ nền triết học” với chìa khóa của họ là thực hiện “con đường thứ ba” trong triết học, với mong muốn vượt qua cả chủ nghĩa duy vật lẫn chủ nghĩa duy tâm, bác bỏ cả những vấn đề cơ bản của triết học vốn được đặt ra suốt nhiều thế kỷ qua. Họ coi nhiệm vụ chính của triết học là định ra nhận thức luận và phương pháp luận khoa học, đặt đối tượng nghiên cứu của triết học và khoa học trong phạm vi đời sống hiện tại và kinh nghiệm có thể đề cập, gắn các vấn đề của triết học với các vấn đề cụ thể của khoa học, nhất là khoa học thực nghiệm, gắn triết học với đời sống thực tại và nó được xem như một thuyết công cụ (*instrumentalism*). Vì thế, chủ nghĩa thực dụng rất đề cao phương pháp.

2 ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Tìm hiểu và phân tích nội dung cơ bản về phương pháp luận của chủ nghĩa thực dụng, trên cơ sở đó đánh giá tính hai mặt của hệ thống tư tưởng này.

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vấn đề được tiếp cận trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung của vấn đề được triển khai qua các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp logic và lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp đối chiếu, so sánh.

4 NỘI DUNG

Peirce (10/9/1839 - 19/4/1914 ông là nhà khoa học, logic học, siêu hình học, triết học, ông sinh ở Mỹ) cho rằng, “sứ mệnh của triết học không phải là nhận thức thế giới, mà là xác định niềm tin. Tất cả những gì không liên quan đến việc xác định niềm tin, điều không thể thúc đẩy con người hành động”¹. Con người muốn tồn tại thì đều phải có hành động nhất định, mà muốn hành động có hiệu quả, ắt phải có một số quy tắc hoặc tập quán hành vi hữu hiệu, chúng xác định trong điều kiện nhất định con người phải hành động như thế nào mới thu được hiệu quả như mong đợi. Peirce nhấn mạnh hoạt động, hay việc nghiên cứu phải có căn cứ khách quan, tránh chủ quan thành kiến, và để thực hiện được việc đó theo ông phải thoát ly khỏi chủ nghĩa trực giác và chủ nghĩa võ đoán chủ trương tôn trọng kinh nghiệm và khoa học. Peirce nói: “triết học về phương pháp cần bắt chước khoa học thành công, cần lấy việc nghiên cứu tỉ mỉ, rõ ràng làm tiền đề xuất phát, dựa vào các kinh nghiệm chứng đa dạng khác nhau, chứ không nên dựa vào quyết định của cá nhân”². Ở đây, Peirce nhấn mạnh hoạt động của con người phải căn cứ vào thực tế và đề cao tri thức kinh nghiệm.

Để hành động, con người phải lấy tiền đề là thế giới khách quan làm điểm xuất phát, nhưng mọi sự vật, hiện tượng không có gì cố hữu bất động nó luôn luôn trong một quá trình vận động và phát triển. Vì thế trong hoạt động Peirce phản đối bảo thủ và trì trệ, thái độ giậm chân tại chỗ, phản đối việc sùng bái uy quyền đề

¹ Charles S Peirce (1878), *How to make our Ideas Clear*, Indiana University Press, page 1.

² Lưu Phóng Đồng, (2004), *Triết học phương Tây hiện đại, giáo trình hướng tới thế kỷ 21*, (bản dịch của Lê Khánh Tường), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, trang 322.

cao tự do. Quan điểm này thể hiện nổi bật ở thuyết có thể phạm sai lầm (*fallibilism*) của Peirce, thuyết này cho rằng mọi kết luận, niềm tin rút ra từ việc sử dụng phương pháp khoa học đều có thể phát sinh sai lầm và bị lật đổ, cho nên đều ở trong quá trình không ngừng xem xét lại. Đây là điểm được đánh giá cao, thể hiện thái độ cầu thực của một nhà khoa học tự nhiên. Nhưng tiếc rằng khi đi vào giải thích thực tế và kinh nghiệm Peirce lại loại trừ cơ sở khách quan của vấn đề, cái được Peirce lấy làm tiêu chuẩn sáng tỏ rõ ràng là của quan niệm, cái hiệu quả thực tế chính là do quan niệm sinh ra.

Với James (11/1/1842 - 26/8/1910 ông là nhà triết học, tâm lý học, tâm lý giáo dục, ông sinh ở Astor House thành phố New York Mỹ), chủ nghĩa kinh nghiệm triết đề là cơ sở siêu hình học cho chủ nghĩa thực dụng của ông. Nhưng James cố làm cho bản thân chủ nghĩa thực dụng không trở thành một thứ siêu hình học đặc biệt, mà thành một phương pháp. Vì thế James nói: “chủ nghĩa thực dụng không đại biểu cho bất cứ kết quả đặc biệt nào; nó chẳng qua là một phương pháp”; “phương pháp chủ nghĩa thực dụng chủ yếu là một phương pháp giải quyết sự tranh cãi của siêu hình học”¹.

James trong “Chủ nghĩa thực dụng” (*Pragmatism*) nhấn mạnh: “phạm vi của chủ nghĩa thực dụng - trước hết là một loại phương pháp, hai là loại thuyết phát sinh chân lý là gì” để nhấn mạnh chủ nghĩa thực dụng trước hết là một loại phương pháp, ông ghi tiêu đề phụ của “Chủ nghĩa thực dụng” là “Một tên gọi mới cho những cách thức tư duy cũ” (*A new name for old ways of thinking*).

Năm 1878, James đọc trên “Nguyệt sang khoa học phổ thông” bài luận văn của Peirce “Làm thế nào để tư tưởng trở nên rõ ràng” (*How to make our ideas clear*), quan điểm của Peirce nhấn mạnh phương pháp thiết lập ý nghĩa của khái niệm, đã gây ấn tượng sâu sắc đến James. Ông cho rằng, chủ nghĩa thực dụng không đại diện kết quả đặc biệt nào, nó chẳng qua là một loại phương pháp. Phương pháp chủ nghĩa thực dụng này không có nghĩa của bất kỳ câu trả lời có sẵn đối với vấn đề triết học, mà là cung cấp một loại kỹ thuật hoặc thái độ để tìm câu trả lời. Thái độ này không phải xem xét sự vật, nguyên tắc, “phạm trù” đã có trước, mà giả thiết là cái cần thiết để xem sự vật, thu hoạch, hiệu quả và sự thực cuối cùng.

Xuất phát từ lập trường này, James tin rằng có phương pháp của chủ nghĩa thực dụng. Phương pháp đó, giúp người ta có thể biến các cuộc đấu tranh của các nhà siêu hình truyền thống trở nên hòa khí, quan điểm triết học đối lập nhau rõ rệt được điều hòa, làm cho các nhà triết học có cá tính khác nhau chung sống hòa bình “Tôi hy vọng tôi có thể hướng dẫn các ngày phát hiện chủ nghĩa thực dụng là đường lối trung gian, điều hòa cần thiết trên phương pháp tư tưởng”². Do đó James rất có hy vọng tiến trình của triết học. Ông tin triết học, cũng như tin một loại tia sáng mới chiếu sáng con đường của những nhà triết học như ông. Tác dụng của triết học không thể hiện trực tiếp “hễ học là màu nhiệm”, mà chính nó có vai trò là một phương pháp.

¹ Lưu Phóng Đồng, (2004), *Triết học phương Tây hiện đại, giáo trình hướng tới thế kỷ 21*, (bản dịch của Lê Khánh Tường), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, trang 342.

² Vương Ngọc Bình, (2004) *Uylian Giêxơ*, Nxb Thuận Hóa trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, trang 88-89.

Vậy phương pháp của chủ nghĩa thực dụng là gì? Trong chương 2 của “Chủ nghĩa thực dụng” James dẫn câu chuyện sinh động để làm ví dụ thực tế. Câu chuyện như sau: Một lần nọ, ông cùng một số người cắm trại trên núi, trong lúc đi dạo khi một mình trở về, ông thấy mọi người đang tranh luận kịch liệt về vấn đề siêu hình. “Chủ đề tranh luận là một con sóc - một con sóc giả định nó bò trên mặt một thân cây, trong khi mặt bên kia, họ tưởng tượng có một người đang đứng. Người ấy chạy vòng quanh gốc cây rất nhanh để cố ý nhìn thấy con sóc, nhưng dù anh ta có chạy nhanh như thế nào thì con sóc cũng chạy nhanh như vậy ở phía bên kia, và luôn giữ khoảng cách giữa anh ta và con sóc bằng thân cây. Vì vậy, anh ta không thể nhìn thấy con sóc. Từ đó để ra vấn đề siêu hình như sau: Anh ta phải chăng đã chạy quanh con sóc?. Anh ta rõ ràng đã chạy vòng quanh thân cây, mà chính con sóc lại ở trên cây; nhưng anh ta có chạy vòng quanh con sóc không?”. Trong sự rối rĩ ở nơi hoang dã cuộc tranh luận như thế trở nên nhàm chán. Cuộc tranh luận đã hình thành hai cách nhìn nhận khác nhau, hai bên mỗi bên giữ lấy lập trường của mình, không ai muốn nhường ai. Khi ông đến, họ đề nghị ông tham gia tranh luận. Tranh luận như thế nào? ông tự hỏi. Lúc ấy James nhớ lại câu ngạn ngữ kinh viện nói rằng: “mỗi khi bạn gặp mâu thuẫn, nhất định bạn phải tìm ra sự khác nhau” (*whenever you meet a contradiction you must make a distinction*). Vì thế xuất hiện trong ông vấn đề, ông nói rằng bên nào chỉ ra được ý nghĩa thực tế “chạy quanh” (*going round*) theo con sóc là gì. Nếu các anh nói từ phía bắc con sóc chạy đến phía đông, rồi đến phía nam, về phía tây, sau đó lại trở về phía bắc, thế thì người ấy chạy quanh theo con sóc, vì quả thật người ấy lần lượt chiếm các vị trí đó. Ngược lại, nếu các anh nói, trước hết ở phía trước mặt con sóc, rồi đến phía phải nó, lại đến sau nó, rồi đến phía trái nó, sau đó trở về trước mặt nó, thế thì tất nhiên con người không chạy quanh con sóc, vì con sóc cũng hoạt động chiều đối lại như vậy, bụng sóc đều hướng đối với con người, lưng nó hướng ra ngoài. Sau khi xác định sự khác biệt này, thì không còn gì tranh luận nữa. Hai phía vừa đúng vừa không đúng, các anh hiểu như thế nào trên thực tế về động từ “chạy quanh?”¹.

James nói, câu chuyện này là ví dụ đơn giản nhất để nói về phương pháp của chủ nghĩa thực dụng. Phương pháp của chủ nghĩa thực dụng chủ yếu là một phương pháp giải quyết tranh luận siêu hình, mà nếu phương pháp khác nó sẽ kéo dài bất tận. Ví như vấn đề thế giới này là một hay nhiều? nó bị quy định hay là tự do? là vật chất hay là tinh thần? Những tranh luận này chúng ta có thể hoặc không thể giải thích tường tận, và những tranh luận về chủ đề này không bao giờ chấm dứt. Trong tình hình đó, phương pháp của chủ nghĩa thực dụng dự định tìm kiếm hậu quả thực tế của mọi loại ý kiến để thuyết minh ý kiến đó. Nếu nói một loại ý kiến là đúng, loại ý kiến kia là không đúng, thế thì cần phải vạch rõ, nó đối với một người sẽ xảy ra điều gì khác biệt. Nếu ảnh hưởng của hai loại ý kiến đối với con người không có gì khác biệt trên thực tế, thế thì chúng trên thực tế như nhau, toàn bộ sự tranh luận đều là vô giá trị.

Với những vấn đề trên, phương pháp của chủ nghĩa thực dụng là gì James khái quát như sau “phương pháp của chủ nghĩa thực dụng không phải là kết quả đặc biệt gì chẳng qua chỉ là một thái độ xác định phương hướng. Thái độ đó không

¹ William James (1968), *What is the Pragmatism*, Cleveland and New York press, page 42.

coi sự vật trước tiên nguyên tắc, phạm trù và giả định là những cái tất yếu, mà coi sự vật sau cùng, hiệu quả và những gì thu hoạch được”¹.

Thái độ xác định phương hướng, ý chỉ hành động như thế nào. Phương pháp của chủ nghĩa thực dụng là phương pháp hành động “sự vật trước tiên” là chỉ điều kiện thực tế khách quan xuất phát của hành động con người. “Nguyên tắc”, “phạm trù” là chỉ kinh nghiệm, lý luận nói chung có trước kinh nghiệm, hành động của con người, chủ yếu là chỉ khái niệm, nguyên tắc, phạm trù tiên thiên mà phái lý tính chủ nghĩa duy tâm đề cập đến, cũng bao gồm cả lý luận nhận thức thực tế khách quan mà chủ nghĩa duy vật cũng đề cập đến. Phương pháp luận của James phản đối lấy nguyên tắc, phạm trù tiên thiên làm xuất phát điểm, dĩ nhiên là hợp lý. Nhưng từ đó James lại chủ trương hành động của con người không cần căn cứ vào thực tế khách quan, không cần đến sự chỉ đạo của lý luận, nguyên tắc, phạm trù, thì rõ là phiến diện.

Phương pháp của James loại trừ thực tế khách quan, không xác định lý luận, nguyên tắc, có thể dẫn đến lẫn lộn phải trái, trắng đen, sa vào chủ nghĩa chiết trung và nguy hiểm. Chỉ cần có dẫn đến hiệu quả thực tế là có thể lấy nó làm kim chỉ nam cho hành động.

James còn cho rằng chủ nghĩa thực dụng không làm cứng đờ mọi lý thuyết của chúng ta mà là làm mềm dẻo chúng và khiến mỗi một lý thuyết hoạt động, nó không có gì mới mẻ, nó hòa điệu với nhiều khuynh hướng triết lý khác. Như nó hòa hợp với duy danh luận (*nominalism*) khi luôn luôn kêu gọi những đặc thù; với duy ích luận (*utilitarianism*) khi nhấn mạnh những khía cạnh thực tiễn; với thực chứng luận (*Positivism*) khi xem thường những lối giải quyết bằng ngôn từ, những câu hỏi vô ích và những trừu tượng siêu hình. Tất cả những điều này là những khuynh hướng chống chủ nghĩa duy lý (*Rationalis*). Việc chống lại chủ nghĩa duy lý, như là một tham vọng và một phương pháp, chủ nghĩa thực dụng đã được võ trang đầy đủ và mang tính chiến đấu. Nhưng thoát tiên, ít nhất nó cũng không thay thế cho những kết quả thực tiễn nào. Nó không có những giáo điều và không có học thuyết nào cứu phương pháp của nó cả. Như nhà thực dụng người Ý Papini đã nói; “chủ nghĩa thực dụng trong các lý luận của chúng ta giống như đường hành lang trong một khách sạn. Có nhiều phòng, các cửa đều mở thông ra hành lang. Trong phòng thứ nhất có người viết tác phẩm vô thần; trong phòng kế có người đang quỳ cầu nguyện niềm tin và sức mạnh; trong phòng thứ ba, một hóa học gia đang khảo sát đặc tính của vật thể; trong phòng thứ tư, có người đang trù hoạch một hệ thống siêu hình học duy tâm; trong phòng thứ năm, có người đang chứng minh tính không có thể của siêu hình học. Nhưng tất cả mọi người đều sở hữu hành lang, và tất cả phải đi qua hành lang”².

Vậy thì đến đây, chính một thái độ định hướng mới là điều mà phương pháp thực dụng hàm ngụ, chứ không phải những kết quả thực tiễn. Thái độ đó là thái độ quay lưng khỏi những sự việc đầu tiên, những nguyên tắc, “những phạm

¹ Lưu Phóng Đông (2004), *Triết học phương Tây hiện đại, giáo trình hướng tới thế kỷ 21*, (bản dịch của Lê Khánh Tường), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, trang 342.

² William James (1968), *What is the Pragmatism*, Cleveland and New York press, page 47.

trừ”, những tất yếu tính giả định; và hướng về những sự việc cuối cùng, những kết quả, những hiệu quả, những sự kiện.

Với John Dewey (20/10/1859 - 1/6/1952, Ông là nhà triết gia nổi bật nhất của nước Mỹ nửa đầu thế kỷ XX, nhà tâm lý học, giáo dục học), một người tiêu biểu của triết phái thực dụng. Dewey coi triết học như là một công cụ giúp ta tìm kiếm những nguyên nhân căn bản của nhân sinh, và tìm cách giải quyết những vấn nạn đó. Ông định nghĩa triết học như một lí thuyết về sự phê bình đi tìm nguyên nhân; và giá trị tối cao của nó là sự tiếp tục đi tìm kiếm công cụ để phê bình tất cả mọi giá trị gì thấy trong kinh nghiệm của cuộc sống con người. Một định nghĩa như vậy không sai, song thiếu sót. Bởi lẽ triết học không chỉ có tính cách công cụ (*instrumentality*) như kỹ thuật. Triết học tự nó đã là một sự khôn ngoan (*sofia*) và là một mục đích mà con người đeo đuổi (như Socrates đã nhận định) tuy chưa hẳn là một mục đích tối hậu.

Mục đích của Dewey là muốn cải tạo lại triết học, nội dung chủ yếu là vượt qua sự đối lập duy tâm duy vật, trong đó có sự đối lập nhị nguyên ở triết học truyền thống, xây dựng nền triết học mới lấy đời sống, hành động, thực tiễn của con người làm hạt nhân.

Dewey chịu ảnh hưởng thuyết tiến hóa của Darwin, ông cho rằng để tồn tại trong thế giới phức tạp và năng động con người phải phản ứng thích nghi với nó. Ở đây, mối quan hệ tương hỗ giữa con người với môi trường chính là kinh nghiệm.

Dewey đề cao tầm quan trọng tính xã hội trong sự tồn tại của con người. Tuy nhiên, ông giải thích tính xã hội của con người không dựa trên nền tảng khoa học, mà ông xem thuộc tính xã hội của con người đó chỉ là thuộc tính sinh vật. Thế nhưng Dewey cũng chú ý phân biệt giữa con người và con vật thông qua các hành vi. Ở động vật, khi bị kích thích của môi trường nó sẽ có sự phản ứng để thích nghi, nhưng đó chỉ là những phản ứng mang tính bản năng. Còn ở con người là một sinh vật bậc cao, có năng lực trí tuệ sáng tạo, nên khi đứng trước các hiện tượng con người phải suy xét, suy luận định ra cho mình kế hoạch và phương án để hành động thích nghi một cách chủ động nhằm đạt mục đích. Ở đây, Dewey nhấn mạnh vai trò của con người và trong hoạt động con người đừng nên thụ động, mà hãy biết phát huy vai trò của mình. Thế nhưng xuất phát từ đây mà Dewey đã tuyệt đối hóa chủ quan tính.

Con người là một bản thể độc đáo có trí tuệ sáng tạo, nhưng để tồn tại để cải tạo xã hội con người cần phải làm gì?. Trả lời vấn đề này đây có thể là toàn bộ phương pháp luận trong triết học Dewey được gọi mở. Do Dewey chú trọng tác dụng của thử nghiệm và tìm tòi, nên phương pháp luận của ông được gọi là phương pháp tìm tòi hoặc phương pháp thử nghiệm - tìm tòi.

Trong tác phẩm “Chúng ta tư duy như thế nào” (*How We Think* - 1910), Dewey trình bày năm giai đoạn tìm tòi của ông như sau: “**1.** cảm nhận được khó khăn; **2.** định nghĩa khó khăn; **3.** giả định các biện pháp giải quyết khác nhau; **4.** vận dụng suy luận để phát huy ý nghĩa của từng giả định; **5.** tiến thêm một bước quan sát và

thử nghiệm, dẫn đến khẳng định, tức là rút ra kết luận đáng tin hay không đáng tin”¹.

Lý luận năm bước của Dewey không có gì là bất hợp lý, ở mức độ nhất định đã thể hiện trình tự phát hiện các tri thức khoa học. Tuy nhiên trong phương pháp này vẫn còn hạn chế. Mọi sự tìm tòi theo ông tiến hành trong phạm vi kinh nghiệm, mà về kinh nghiệm thì ông lại giải thích theo khuynh hướng chủ nghĩa duy tâm.

5 KẾT LUẬN

Mỗi nhà thực dụng lý giải phương pháp của mình theo những cách thức khác nhau. Tuy nhiên, những quan điểm cơ bản của họ thì như nhau chẳng qua đó chỉ là những cách thức diễn đạt mới, họ cho rằng phương pháp như một kỹ thuật để tìm kiếm hiệu quả một cách ít tốn công sức, ít tốn thời gian và các nhà thực dụng gọi đó là phương pháp tiết kiệm. Từ đó, luận về hiệu quả, về lợi ích được thể hiện sâu sắc trong quan niệm về chân lý.

Với những nội dung phân tích trên, tiếp cận chủ nghĩa thực dụng nói chung và phương pháp luận của chủ nghĩa thực dụng nói riêng dưới góc độ khoa học có ý nghĩa quan trọng. Một mặt, để góp phần thẩm định lại những giá trị và những hạn chế của trường phái triết học này. Mặt khác, càng làm nổi bật giá trị khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vương Ngọc Bình, (2004) *Uylyam Giêxơ*, Nxb Thuận Hóa trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, trang 88-89.
- Lưu Phóng Đồng, (2004), *Triết học phương Tây hiện đại, giáo trình hướng tới thế kỷ 21*, (bản dịch của Lê Khánh Tường), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội
- J.K.Melvil, (1997), *Các con đường của triết học phương Tây hiện đại*, (bản dịch của Đinh Ngọc Thạch, Phạm Đình Nghiệm), Nxb. Giáo dục.
- Charles S Peirce (1878), *How to make our Ideas Clear*, Indiana University Press.
- William James (1906), *What is the Pragmatism*, Clevel and New York Press.